

NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 12
TUẦN 14 (29/11-04/12) NĂM HỌC: 2021-2022

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 14	Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận	Xem nội dung bên dưới
	Tự học có hướng dẫn: <i>Thực hành một số phép tu từ cú pháp</i> <i>Bác ơi, Tự do, Tiếng hát con tàu</i>	

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN
TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN.

I. Luyện tập trên lớp

1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận.

- Thao tác lập luận phân tích:
- Thao tác lập luận so sánh:
- Thao tác lập luận giải thích:
- Thao tác lập luận chứng minh:
- Thao tác lập luận bác bỏ:
- Thao tác lập luận bình luận :
- Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh : những yếu tố này có thể đem lại sự cụ thể, sống động cho văn nghị luận.

Kiến thức về 6 thao tác:

- Thao tác lập luận phân tích: chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo.
- Thao tác lập luận so sánh : Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống

nhau và khác nhau giữa chúng

- Thao tác lập luận giải thích : là giảng giải về các vấn đề liên quan đến đối tượng một cách cụ thể, rõ ràng cho người nghe, người đọc hiểu tường tận.

- Thao tác lập luận chứng minh : Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên

- Thao tác lập luận bác bỏ : Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe.

- Thao tác lập luận bình luận : Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học.

2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.

- Các thao tác lập luận trong đoạn trích *Tuyên ngôn độc lập*.

- + Thao tác lập luận phân tích.

- + Thao tác lập luận chứng minh.

- + Thao tác lập luận bình luận.

- + Thao tác tự sự miêu tả, biểu cảm.

- Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích.

3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.

(Tham khảo bài viết trong SGK)

II. Luyện tập ở nhà

1. Bài tập 1: Suy tầm 2 đoạn văn (hoặc bài văn hay) trong đó tác giả đã sử dụng kết hợp các thao tác lập luận.

- Suy tầm trong sách báo nhất là các sách nghiên cứu, phê bình văn học.

2. Bài tập 2: Viết bài văn nghị luận có vận dụng tổng hợp ít nhất 3 thao tác lập luận khác nhau theo chủ đề : Một tác phẩm văn học mới ra đời và đang được nhiều người quan tâm bàn luận.

- HS tự viết ở nhà.

3. Bài tập 3: Đọc văn bản đọc thêm *Mấy nhận xét nhỏ về nghệ thuật viết tiểu thuyết* (Nguyễn Đình Thi) để nắm về việc vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.

- Bài tập 3: Đọc và phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm.

Tự học có hướng dẫn:

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

I. Phép lặp cú pháp :

1. Bài tập 1:

a. - Câu có hiện tượng lặp kết cấu ngữ pháp (lặp cú pháp) :

+ Hai câu bắt đầu từ “*Sự thật là...* ”.

+ Hai câu bắt đầu từ “*Dân ta...* ”.

- Phân tích kết cấu cú pháp đó :

+ Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ “*Sự thật là*” :

o P (*thành phần phụ tình thái*) – C (*chủ ngữ*) – V1 (*vị ngữ 1*) – V2 (*vị ngữ 2*).

o Kết cấu khẳng định ở vế đầu và bác bỏ ở

vế sau : *Sự thật là... + nước ta / dân ta + đã... + chứ không phải...*

+ Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ *Dân ta*:

o C – V + [*Phụ ngữ chỉ đối tượng*] – Tr (*Trạng ngữ*).

o Trong đó : C : *dân ta*, V : *đã / lại đánh đổ* [*Các xiềng xích... / chế độ quân chủ ...*] chỉ mục đích (*để gây dựng / mà lập nên*)

- Tác dụng:

Tạo cho lời tuyên ngôn âm hưởng đanh thép, hùng hồn, thích hợp với việc khẳng định nền độc lập , đồng thời khẳng định thắng lợi của CMT8 là đánh đổ chế độ thực dân và chế độ phong kiến.

b. Các câu có lặp kết cấu cú pháp

- Câu 1 và câu 2

- Câu 3,4,5

Tác dụng:

Khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của chúng ta và bộc lộ cảm xúc sung sướng, tự hào, sáng khoái đối với thiên nhiên, đất nước khi giành được quyền làm chủ đất nước.

c. Đoạn thơ vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp :

Ba cặp câu lục bát lặp các từ *nhớ sao* và lặp kết cấu ngữ pháp của kiểu câu cảm thán.

Tác dụng :

Biểu hiện nỗi nhớ da diết của người ra đi đối với những cảnh sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên ở Việt Bắc.

2. Bài tập 2 :

a. Ở mỗi câu tục ngữ, hai vế lặp cú pháp đối nhau chặt chẽ về số tiếng, từ loại, kết cấu ngữ pháp của từng vế.

b. Ở câu đối, phép lặp cú pháp đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao: số tiếng ở hai câu bằng nhau. Hơn nữa, phép lặp còn phối hợp với phép đối (đối ứng từng tiếng trong hai vế về từ loại, về nghĩa; trong mỗi vế còn dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa tương ứng).

	Chủ ngữ (danh từ)	Vị ngữ (động từ)	Thành tố phụ của vị ngữ
Vế 1	Cụ già	ăn	củ ấu non
Vế 2	Chú bé	trèo	Cây đại lớn

- *ấu* vừa chỉ loài cây, vừa có nghĩa là *non*.

- *đại* vừa chỉ loài cây, vừa có nghĩa là *lớn*.

c. Ở thơ Đường luật : phép lặp cú pháp cũng đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao: kết cấu ngữ pháp giống nhau, số lượng tiếng bằng nhau, các tiếng đối nhau về từ loại và nghĩa (đặc biệt giữa hai câu thực và hai câu luận của bài thất ngôn bát cú)

d. Ở văn biên ngẫu : phép lặp cú pháp cũng thường phối hợp với phép đối. Điều đó thường tồn tại trong một cặp câu (câu trong văn biên ngẫu không cố định về số tiếng)

3. Bài tập 3 :

- Tìm trong các văn bản ở Ngữ văn 12 (tập một) ba câu văn (hoặc thơ) có dùng phép lặp cú pháp :

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

+ *Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*

(Tuyên ngôn độc lập - Hồ Chí Minh)

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước.
(Sóng – Xuân Quỳnh)*

- Phân tích tác dụng : HS tự làm.

II. Phép liệt kê :

a. Trong đoạn trích *Hịch tướng sĩ*, phép liệt kê đã phối hợp với phép lặp cú pháp. Nhiều đoạn, câu (vế câu) liên tiếp theo cùng một kết cấu gồm hai vế như mô hình khái quát sau :

Kết cấu	Hoàn cảnh	thì	Giải pháp
Ví dụ :	Không có mặc	thì	ta cho ăn

- Tác dụng: nhấn mạnh và khẳng định sự đối đãi chu đáo, đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ trong mọi hoàn cảnh khó khăn.

b. Phép lặp cú pháp (các câu có kết cấu ngữ pháp giống nhau: C- V [+ phụ ngữ chỉ đối tượng] phối hợp với phép liệt kê để vạch tội ác của thực dân Pháp, chỉ mặt tên kẻ thù dân tộc.

III. Phép chêm xen:

1. Bài tập 1:

- Tất cả các bộ phận in đậm trong các bài tập a, b, c, d đều ở vị trí giữa câu hoặc cuối câu. Chúng chen vào trong câu để ghi chú thêm thông tin nào nào đó.

- Các bộ phận đó đều được tách bằng ngữ điệu khi nói, khi đọc. Còn khi viết thì chúng được tách ra bằng dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu gạch ngang.

- Chúng có tác dụng ghi chú hoặc giải thích cho từ ngữ đi trước, bổ sung thông tin thêm sắc thái về tình cảm, cảm xúc của người viết.

2. Bài tập 2:

- Nhà thơ Tố Hữu, lá cờ đầu của văn học cách mạng Việt Nam hiện đại, đã viết bài thơ “*Việt Bắc*” vào những ngày rời chiến khu Việt Bắc trở về thủ đô Hà Nội. Bài thơ thấm đượm cảm xúc lưu luyến và tình cảm sâu nặng của tác giả đối với Việt Bắc, nơi đã nuôi dưỡng cán bộ và quân đội cách mạng trong suốt chín năm trường kì kháng chiến. Bài thơ là một thi phẩm đặc sắc của thơ ca cách mạng Việt Nam.

- Tác dụng : Cung cấp thêm thông tin cần thiết về nhà thơ và địa danh Việt Bắc.

BÁC ƠI

- Tố Hữu-

I. Tìm hiểu khái quát:

1. Hoàn cảnh ra đời:

Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”.

2. Bố cục: chia 3 phần:

- *Bốn khổ đầu:* Nỗi đau xót trước sự kiện Bác qua đời.

- *Sáu khổ tiếp*: Hình tượng Bác Hồ.
- *Ba khổ cuối*: Cảm nghĩ khi Bác qua đời.

II/ Đọc – hiểu văn bản:

1) Bốn khổ đầu: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.

a. Lòng người:

- Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.

- Bàng hoàng không tin vào sự thật: “*Bác đã đi rồi sao Bác ơi*”

b. Cảnh vật:

- Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)

- Thừa thãi, cô đơn, khi không còn bóng dáng của Người.

c. Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu “*Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa*” → Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác.

⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.

2) Sáu khổ tiếp: Hình tượng Bác Hồ.

a. Giàu tình yêu thương đối với mọi người.

b. Giàu đức hy sinh.

c. Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.

⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi.

3) Ba khổ cuối: Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:

a. Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ

b. Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.

c. Yêu Bác → quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp CM.

⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam.

III/ Tổng kết:

1. Bài thơ là tình cảm ngợi ca Bác, đau xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó cũng là tấm lòng kính yêu Bác Hồ của Tố Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt Nam
2. Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tố Hữu.

TỰ DO (Trích)

- Pôn Ê-luy-a-

I. Tiểu dẫn.

1. Tác giả:

- Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp.
- Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít.
- Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị, hơi thở của thời đại

2. Bài thơ "Tự do":

- Hoàn cảnh sáng tác: Được viết vào mùa hè 1941, lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược.
- Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).

II. Hướng dẫn đọc hiểu .

Em = TỰ DO (nhân hóa)

Tứ thơ bao trùm: **Khát vọng tự do.**

1. Nội dung.

- a, 11 khổ đầu: Tôi viết tên em - Tự Do.
- Từ “trên” thể hiện cả không gian và thời gian:
 - + Chỉ địa điểm - không gian(tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu)
 - + Chỉ thời gian (tôi viết Tự Do khi nào)
 - Tôi viết tên em lên mọi không gian bao la, lên mọi thời gian; Viết tên em lên những vật cụ thể hữu hình và cả những cái vô hình.

→ Hình ảnh được liên tưởng ngẫu hứng. Tình yêu, khát vọng tự do cháy bỏng của nhà thơ

b, Khổ cuối: Tôi gọi tên em - Tự Do.

- Tự do- sức mạnh nhiệm màu.

- Tự do- tái sinh những cuộc đời

→ Tình yêu tự do cũng là lời kêu gọi hy sinh vì tự do.

2. Nghệ thuật:

- Trùng điệp thủ pháp liệt kê, nhân hóa, lặp từ ngữ, cấu trúc ... qua các khổ thơ.

- Hiệu quả: Nhạc điệu thơ gợi mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ.

III. Kết luận.

- Chủ đề: Khát vọng tự do cũng là lời kêu gọi hành động vì tự do của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị phát xít xâm lăng.

- Không thể sống trong nô lệ, *Tự Do* trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại. Vì thế, bài thơ được xem là thánh ca của thơ kháng chiến Pháp.

TIẾNG HÁT CON TÀU

-Chế Lan Viên-

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: SGK

- Con đường thơ nhiều biến động

- Nhà thơ giàu chất triết lí.

2. Văn bản:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ được gợi cảm hứng từ sự kiện: 1958- 1960: phong trào xây dựng kinh tế mới ở Tây Bắc.

b. Bố cục:

- Đoạn 1: Hai khổ đầu

→ Sự trở trăn và lời giục giã, mời gọi lên đường.

- Đoạn 2: Chín khổ tiếp theo

→ Niềm hạnh phúc và khát vọng trở về với nhân dân, gọi lại những kỉ niệm sâu nặng đầy tình nghĩa trong những năm kháng chiến chống Pháp.

- Đoạn 3: Bốn khổ cuối

→ Khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng:

- Con tàu: Biểu tượng cho tâm hồn nhà thơ khát khao lên đường xây dựng đất nước. Nhà thơ muốn vượt ra khỏi cuộc sống chật hẹp, quẩn quanh để đến với cuộc đời rộng lớn:

+ *Tàu đòi những vầng trăng.*

+ *Tàu gọi anh đi sao anh chưa ra đi?*

+ *Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép*

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

- Tây Bắc:

+ Ý nghĩa cụ thể: chỉ một vùng đất xa xôi của Tổ quốc.

+ Ý nghĩa tượng trưng: biểu tượng cho cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước. Là cội nguồn cảm hứng của sáng tạo thơ ca.

→ Vì thế, lời giục giã ra đi, kêu gọi lên Tây Bắc cũng là trở về với chính lòng mình, với những tình cảm trong sáng, nghĩa tình gắn bó sâu nặng với nhân dân và đất nước.

- Lời đề từ:

+ Sự hoà nhập tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của người nghệ sĩ với cuộc đời rộng lớn của nhân dân, đất nước.

+ Tâm hồn của nhà thơ (*Khi lòng ta đã hoá những con tàu*) một khi hoà nhập với không khí náo nức, tung bừng với niềm vui chung của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước (*Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*) thì cũng là lúc soi vào

lòng mình, có thể thấy được cả cuộc đời rộng lớn (*Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu*).

2. Sự vận động trong tâm trạng của chủ thể trữ tình:

Giọng điệu, âm hưởng của bài thơ biến đổi theo mạch cảm xúc.

- Đoạn đầu: Lời giục giã với những câu hỏi dồn dập, tăng tiến.

Tàu gọi anh đi sao anh chưa ra đi?

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

- Đoạn 2:

+ Lời bày tỏ trực tiếp tình cảm và dòng hoài niệm đầy ân tình về nhân dân trong những năm kháng chiến chống Pháp.

+ Xen với những hình ảnh của hồi tưởng là những chiêm nghiệm về đời sống được đúc kết trong giọng thơ trầm lắng.

- Đoạn 3: Mang âm hưởng của khúc hát lên đường vừa dồn dập, lời cuốn vừa bay bổng, say mê

3. Niềm vui lớn lao khi gặp lại nhân dân:

- Được thể hiện trong khổ thơ:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

- Để thể hiện niềm hạnh phúc lớn lao, tác giả liên tiếp sử dụng những hình ảnh so sánh:

+ Những hình ảnh vừa có vẻ đẹp thơ mộng, mượt mà vừa biểu tượng cho quy luật tất yếu của tự nhiên: *nai về suối cũ, cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa*

+ Vừa có sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực: *trẻ thơ đói lòng gặp sữa, nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa*

→ Nhấn mạnh niềm hạnh phúc tốt đẹp và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân.

- Việc trở về với nhân dân còn là một lẽ tự nhiên, phù hợp với quy luật. Về với nhân dân là về với ngọn nguồn của sáng tạo nghệ thuật, về với những gì thân thiết, sâu nặng nhất của lòng mình.

4. Câu 4: Hình ảnh nhân dân trong kỉ niệm của nhà thơ.

- Nhân dân ở đây không còn là một khái niệm chung chung, trừu tượng mà hiện qua những hình ảnh, con người cụ thể, gần gũi thân thương.

- Đó là: *anh con, người du kích với chiếc áo nâu suốt một đời vá rách – Đêm cuối cùng anh gọi lại cho con; là em con, thằng liên lạc - Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ; là bà mẹ già lửa hồng soi tóc bạc – Năm con đau mẹ thức một mùa dài.*

+ Những điệp ngữ *con nhớ anh con, con nhớ em con, con nhớ mẹ ...* làm đoạn thơ chong chất kỉ niệm được gọi ra từ hoài niệm về nhân dân của nhà thơ.

+ Cách xưng hô của chủ thể trữ tình (*anh con, em con, con nhớ mẹ*) bộc lộ một tình cảm chân thành, ruột thịt với những con người đã từng gắn bó mật thiết với mình trong những năm kháng chiến.

- Những câu thơ này cho thấy sự giác ngộ một chân lí đời sống và cũng là chân lí của nghệ thuật: phải trở về thủy chung gắn bó với nhân dân.

5. Câu 5: Những câu thơ thể hiện rõ nhất chất suy tưởng và triết lí.

Nhớ bản sương giăng ...

.... đất đã hoá tâm hồn.

+ Sự vận động của mạch thơ là đi từ những hình, cảm xúc cụ thể dẫn tới những suy ngẫm triết luận.

+ Những bản làng, núi đèo ẩn hiện ẩn hiện trong sương mờ, mây phủ, gợi lên những miền đất mà trong đời chúng ta đã từng qua, làm sống dậy trong lòng ta vô vàn kỉ niệm.

+ Chính những kỉ niệm ấy đã nuôi dưỡng, bồi đắp làm phong phú tâm hồn ta.

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét...

... làm đất lạ hoá quê hương.

+ Chính tình yêu đã biến những miền đất xa lạ trở thành thân thiết như quê hương ta, hoá thành tâm hồn ta: *Tình yêu thành đất lạ hoá quê hương*.

+ Tình yêu ở đây không chỉ giới hạn trong tình yêu đôi lứa mà còn là những tình cảm sâu nặng đối với quê hương đất nước.

+ Chất triết lí trong thơ Chế Lan Viên được rút ra từ quy luật tình cảm nên không khô khan mà rất tự nhiên, sâu sắc.

6. Câu 6: Đánh giá nghệ thuật sáng tạo hình ảnh của Chế Lan Viên trong bài thơ.

- Chế Lan Viên sáng tạo một hệ thống hình ảnh đa dạng, phong phú:

+ Có những hình ảnh thị giác do quan sát được trong đời sống thực: *bản sương giăng, đèo mây phủ, chim rừng lông trở biếc...*

+ Có những hình ảnh được miêu tả cụ thể, chi tiết: *Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách*

+ Có hình ảnh thử nhưng giàu sức gợi: *Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc*

+ Có những hình ảnh mang tính biểu tượng: *con tàu, vàng trắng, Tây Bắc, suối lớn mùa xuân...*

→ Chế Lan Viên thường có thói quen *thiết kế* những hình ảnh độc đáo, mới lạ, xâu chuỗi, liên kết với nhau bằng những liên tưởng bất ngờ, có chiều sâu trí tuệ.

---HẾT---